

Số: **60** /TTr-BTTTTHà Nội, ngày **29** tháng **9** năm 2023**TỜ TRÌNH**

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/2013/NĐ-CP

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện chương trình công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), ngày 30/9/2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình số 68/TTr-BTTTT trình Chính phủ hồ sơ lập đề nghị xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định sửa đổi, bổ sung).

Ngày 31/12/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 193/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 06 chính sách sau: (1) Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội; (2) Cấp phép thiết lập mạng xã hội, trò chơi điện tử trên mạng, cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động; (3) Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới; (4) Tăng cường triển khai biện pháp bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet; (5) Quy định về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu; (6) Quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế của Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định thay thế).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 15/7/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Kể từ thời điểm Nghị định số 72/2013/NĐ-CP được ban hành đến nay, các loại hình thông tin cung cấp trên mạng ngày càng trở nên phong phú, đáp ứng nhu cầu, thói quen của người sử dụng. Nếu như trước đây, hoạt động cung cấp thông tin chủ yếu thông qua hệ thống báo chí, bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử thì ngày nay việc sản xuất và phát hành nội dung không còn là vị trí độc tôn của các cơ quan báo chí nữa mà đã chuyển dần sang chính người dùng trên các mạng xã hội như Facebook, Youtube, Twitter, Instagram... Người dùng lên mạng không chỉ tìm kiếm thông tin mà họ cần được phục vụ cho nhu cầu giải trí, học tập, sáng tạo, shopping như chơi game, nghe nhạc, xem phim, thương mại điện tử...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được qua thực tiễn thi hành cùng với những yêu cầu mới phát sinh của quá trình hội nhập quốc tế, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với hệ thống pháp luật, thực trạng phát triển về công nghệ thông tin và internet... đã bộc lộ những hạn chế bất cập, những khoảng trống pháp lý cần được hoàn thiện cụ thể:

1. Đối với lĩnh vực thông tin điện tử

1.1. Đối với hoạt động thông tin điện tử tổng hợp:

Tính đến hiện nay, cả nước có 2088 trang tin điện tử tổng hợp được cấp phép (còn hiệu lực). Số lượng trang TTĐT tổng hợp được cấp phép mới hàng năm nhiều nhất ở Hà Nội và TP.HCM (do Sở TT&TT Hà Nội và Tp.HCM cấp). Cụ thể: Trong số 2088 trang TTĐT tổng hợp nói trên, Sở TTTT Hà Nội cấp 513 giấy phép, Sở TTTT TPHCM cấp 710 giấy phép, các Sở TTTT các tỉnh còn lại có 370 giấy phép; Cục PTTH&TTĐT cấp 495 giấy phép.

Trang thông tin điện tử tổng hợp được kỳ vọng là cánh tay nối dài của các cơ quan báo chí góp phần vào việc truyền tải kịp thời thông tin chính thống của Đảng và Nhà nước để đẩy lùi các thông tin xấu, tin giả đang tràn lan trên mạng. Tuy nhiên, khá nhiều Trang thông tin điện tử tổng hợp cũng đang cung cấp nội dung gây nhầm lẫn với cơ quan báo chí điện tử khiến cho việc kiểm tra, xử lý tình trạng "báo hóa" gặp nhiều khó khăn. Đây là vấn đề nhức nhối, tạo phản ứng bất bình trong dư luận, gây khó khăn đối với công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

1.2. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội

- Đến hết tháng 8/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp 953 Giấy phép thiết lập mạng xã hội cho các tổ chức, doanh nghiệp trong nước. Tổng số lượng tài khoản người dùng mạng xã hội thường xuyên hàng tháng có thể đạt tới 101 triệu tài khoản (riêng Zalo đạt tới 74,75 triệu).

Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng và phổ biến của mạng xã hội trong nước thì vẫn còn rất hạn chế so với mạng xã hội nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam như Facebook, Youtube và Tiktok (Facebook khoảng 66,2 triệu tài khoản Việt Nam, Youtube có khoảng 63 triệu tài khoản Việt Nam, Tiktok có khoảng 57 triệu tài khoản Việt Nam) nhưng gần như chưa tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Đây cũng là môi trường tồn tại nhiều thông tin vi phạm pháp luật, lan truyền tin giả, gây mất ổn định xã hội và bức xúc trong xã hội và cũng là gây bất bình đẳng với doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhiều cá nhân, tổ chức lợi dụng mạng xã hội để hoạt động báo chí, tổ chức livestream để cung cấp thông tin sai sự thật, cung cấp xúc phạm uy tín, nhân phẩm tổ chức, cá nhân khác và thông tin, dịch vụ vi phạm pháp luật, cần sớm bổ sung quy định điều chỉnh.

- Tình trạng “báo hóa” mạng xã hội (mạng xã hội hoạt động như báo điện tử, như trang thông tin điện tử tổng hợp) đang ngày càng diễn biến phức tạp.

1.3 Đối với hoạt động cung cấp trò chơi điện tử trên mạng (game):

- Có 262 doanh nghiệp đã được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; số lượng trò chơi điện tử G1 đã được cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản: 1497 trò chơi, trong đó có 511 trò chơi đã thông báo dừng phát hành, 130 trò chơi được cấp quyết định phê duyệt nội dung kịch bản theo quy định của Thông tư liên tịch số 60/2006/TT-BVHTT-BBCVT-BCA và 856 trò chơi được cấp quyết định phê duyệt nội dung kịch bản theo quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT;

Số lượng doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký G2, G3, G4: 158 doanh nghiệp; 13.332 trò chơi điện tử G2, G3 và G4 trên mạng được cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành.

- Một số doanh nghiệp được cấp Giấy phép G1, Giấy chứng nhận G2, G3, G4 nhưng không triển khai cung cấp dịch vụ; không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc lợi dụng có giấy phép G1 để xuất trình cho doanh nghiệp viễn thông và đơn vị thanh toán để phát hành game không phép (Vụ Rikvip của Công ty CNC là trường hợp điển hình).

- Số lượng game không phép, game cò bạc, bạo lực... cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam qua các kho ứng dụng Apple App Store, Google Play Store ngày càng gia tăng, mặc dù cơ quan quản lý đã tích cực rà soát, phát hiện và gửi yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới ngăn chặn, gỡ bỏ. Việc này đã gây thiệt hại lớn cho thị trường game Việt Nam (doanh thu thị trường game có phép năm 2022 là 12.410 tỷ đồng, trong khi doanh thu game lậu không phép tại thị trường Việt Nam ước chừng 5.000 tỷ đồng).

- Xuất hiện tình trạng các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác làm trung gian thanh toán cho các trò chơi không phép phát hành qua các kho ứng dụng Apple App Store, Google Play Store.

1.4. Đối với dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động.

- Hiện nay có 511 giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Tuy nhiên qua thực tế quá trình cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, các dịch vụ nội dung đăng ký cung cấp qua các phương thức sau:

+ Qua tin nhắn ngắn SMS, USSD: thông kê kết quả xổ số, dự báo thời tiết, phong thủy, các dịch vụ tin tức...(chiếm 20%);

+ Qua wapsite, website, ứng dụng: các dịch vụ trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, trò chơi điện tử trên mạng ... (chiếm 80%).

Trong các hình thức trên, các dịch vụ đăng ký qua các phương thức wapsite, website, ứng dụng là các dịch vụ cung cấp trên nền tảng internet và chiếm đến 80% tổng số dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động. Các dịch vụ này đều có những quy định điều chỉnh riêng, giấy phép chuyên ngành riêng. Do vậy, nếu phải cấp phép hai lần cho nhóm các dịch vụ cung cấp trực tiếp qua wapsite, website, ứng dụng là không cần thiết.

- Khi cung cấp dịch vụ và trừ phí các dịch vụ nội dung, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông chưa có phương thức cho phép người sử dụng kiểm soát, theo dõi được các dịch vụ nội dung bị trừ tiền theo kỳ, theo tháng (kể cả các dịch vụ người sử dụng không đăng ký hoặc đăng ký đã lâu nhưng không sử dụng) và nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động (CP) lợi dụng việc này để tự ý trừ tiền các dịch vụ nội dung mà người sử dụng không đăng ký sử dụng dịch vụ;

- Để được phép hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn

thông di động (CP) phải thực hiện 02 quy trình, thủ tục hành chính độc lập ở 2 đơn vị khác nhau trong cùng Bộ TT&TT:

(1) Đăng ký cấp mã, số viễn thông tại Cục Viễn thông;

(2) Đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung qua mạng viễn thông di động tại Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Việc thực hiện hai quy trình riêng biệt này là do thuộc lĩnh vực quản lý của 02 đơn vị khác nhau. Tuy nhiên việc đăng ký cung cấp 01 dịch vụ nhưng phải xin ở 02 đơn vị khác nhau sẽ gây khó khăn, mất thời gian, công sức phải chuẩn bị 02 bộ hồ sơ khác nhau (thường sẽ yêu cầu nộp chung giấy tờ cơ bản như đăng ký kinh doanh, đề án cung cấp dịch vụ..) và không cần thiết;

1.5. Cung cấp dịch vụ nội dung xuyên biên giới tại Việt Nam:

Đến thời điểm hiện tại, có khoảng 218 triệu tài khoản tại Việt Nam sử dụng top 5 mạng xã hội nước ngoài cung cấp xuyên biên giới tại Việt Nam như Facebook (66,2 triệu tài khoản), Youtube (63 triệu tài khoản), Tiktok (57 triệu tài khoản), Instargram (25 triệu tài khoản), Twitter (7 triệu tài khoản).

Các mạng xã hội cung cấp xuyên biên giới có lượng người sử dụng tại Việt Nam có đông lượng người sử dụng Việt Nam truy cập nhưng ý thức tuân thủ pháp luật Việt Nam còn rất hạn chế. Đây là môi trường đây là môi trường mà các thế lực thù địch, cá nhân bất đồng chính kiến tận dụng triệt để để tuyên truyền chống phá Đảng và Nhà nước, kích động biểu tình; nhiều cá nhân, tổ chức nghĩ rằng đây là môi trường không chịu sự quản lý của Việt Nam nên thoải mái tung tin giả, nói xấu, bôi nhọ cá nhân, tổ chức, thương hiệu, thậm chí tổ chức các luồng thông tin ảnh hưởng dư luận, tác động mạnh mẽ sự ổn định chính trị đời sống xã hội. Hiện các thế lực thù địch, phần tử cơ hội, chống đối chính trị coi mạng xã hội là mặt trận chính để thực hiện các hoạt động tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước ta đã tạo ra thách thức vô cùng lớn đối với công tác quản lý mạng xã hội.

Hiện nay, Thông tư 38/2016/TT-BTTTT đã bước đầu có quy định về việc yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới như Facebook, Youtube, Tiktok, yêu cầu phải ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên các quy định về quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ tại Việt Nam còn rất hạn chế, luôn có trì hoãn để không phải tuân thủ luật pháp Việt Nam với lý do nội dung vi phạm không trái với tiêu chuẩn cộng đồng của mạng xã hội nước ngoài. Ngoài ra, các nền tảng xuyên biên giới thiếu trách

nhiệm, không giải quyết các khiếu nại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng tại Việt Nam.

Ngoài ra, các kho ứng dụng xuyên biên giới như AppleStore và Google Play Store hàng ngày cho tải lên hàng trăm nghìn các ứng dụng để cung cấp cho người dân Việt Nam sử dụng trong đó có rất nhiều dịch vụ bất hợp pháp như game cờ bạc, tin dụng đen, phim lậu...

2. Đối với công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông, trên mạng internet

Hiện nay, chưa có quy định thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước trong việc chỉ đạo, điều phối các doanh nghiệp viễn thông, Internet trong việc triển khai thực thi, thiết lập hệ thống kỹ thuật tập trung để điều phối giám sát tuân thủ, bảo đảm các nhà mạng thực hiện chặn, lọc kịp thời, đồng bộ.

Ngoài ra, các doanh nghiệp viễn thông, Internet với tư cách là chủ thể cung cấp dịch vụ, khi thực hiện giao kết các hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ với tổ chức, cá nhân còn thiếu quy định thể hiện rõ trách nhiệm các bên trong việc đảm bảo cung cấp, lưu trữ thông tin không vi phạm quy định pháp luật Việt Nam.

Hiện nay, hiện tượng sử dụng Internet, mạng xã hội làm công cụ tấn công thông tin với phương thức, thủ đoạn hết sức tinh vi, có sự cấu kết giúp sức của các tổ chức, hội, nhóm chống đối bên ngoài tới hệ thống chính trị Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, thông tin gây hại cho trẻ em, thông tin sai sự thật, vi phạm pháp luật thường xuyên được phát tán. Tấn công mạng vào các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng tại Trung ương, địa phương ngày càng diễn biến phức tạp. Mặt khác, Chính phủ đang nỗ lực thúc đẩy triển khai Chính phủ điện tử nên rất cần bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin phục vụ điều hành của Chính phủ,...

Để bảo đảm an toàn thông tin trên mạng viễn thông, mạng internet đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Trong đó, cần bổ sung trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc chỉ đạo, điều phối và triển khai các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin; giám sát, xử lý an toàn thông tin; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tham gia bảo vệ trẻ em trên mạng viễn thông, Internet.

3. Về đăng ký sử dụng và dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền

Các vi phạm đối với tên miền quốc tế rất nhiều nhưng khả năng xử lý hạn chế. Đối với tên miền “.vn”, Bộ TT&TT chủ động quản lý, thông tin, dữ liệu tên miền “.vn” có độ chính xác rất cao, có thể chủ động tạm ngừng, thu hồi tên miền. Đối với TMQT, đặc biệt là các tên miền do các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam, rất khó khăn trong việc liên hệ, yêu cầu phối hợp cung cấp thông tin, xử lý vi phạm, hầu hết là không thực hiện được.

Quy định quản lý còn mất cân bằng trong quy định quản lý tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và tên miền quốc tế (TMQT). Việc quy định và cơ chế phối hợp để áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính giữa tên miền “.vn” và tên miền quốc tế chưa đồng bộ và đầy đủ gây khó khăn và giảm hiệu lực trong quản lý Nhà nước đối với tên miền quốc tế; thiếu quy định yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ đăng ký, sử dụng TMQT xuyên biên giới cần tăng cường quy định pháp lý để góp phần đảm bảo an toàn, an ninh, phát triển bền vững về Internet. Từ đó cần thiết bổ sung định nghĩa đủ bao quát về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền (dịch vụ có điều kiện theo quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư) để phản ánh đầy đủ hiện trạng thực tế về cung cấp dịch vụ hiện nay (gồm dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”; dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế trong đó có hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế xuyên biên giới; hoạt động của tổ chức quản lý đuôi tên miền cấp cao dùng chung New gtld tại Việt Nam), đảm bảo quy định về dịch vụ kinh doanh có điều kiện với các quy định bình đẳng đối với tên miền “.vn” và TMQT.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Nghị định

Việc xây dựng Nghị định thay thế hướng đến các mục đích sau đây:

- Tạo được hành lang pháp lý nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, bắt kịp xu thế phát triển của công nghệ số, các dịch vụ internet và nội dung thông tin trên mạng đồng thời đảm bảo tính kế thừa của các quy định còn phù hợp của Nghị định;

- Cải cách thủ tục hành chính, trực tuyến hóa thủ tục cho doanh nghiệp.

- Điều chỉnh các hoạt động cung cấp nội dung thông tin trên mạng để tạo điều kiện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong nước phát triển lành mạnh và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài.

- Tăng cường bảo đảm an ninh thông tin thông qua việc nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, dịch vụ liên quan đến máy chủ và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong vấn đề bảo đảm an ninh thông tin khi giao kết hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ giữa hai bên và trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ sau này.

- Điều chỉnh quy định xử lý tranh chấp tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” để đồng bộ hơn nữa với mô hình quy định giải quyết tranh chấp tên miền theo thông lệ quốc tế, phù hợp với chính sách giải quyết tranh chấp tên miền của Tổ chức quản lý tên miền quốc tế (ICANN) và phù hợp chính sách, kinh tế xã hội của Việt Nam; bổ sung rõ hơn quy định về xử lý tên miền tranh chấp theo kết quả xử lý tranh chấp tên miền của các cơ quan có thẩm quyền (như thực thi bản án của tòa án, phán quyết của trọng tài) để đảm bảo rõ ràng trong thực hiện và đồng bộ quy định pháp luật chuyên ngành và các quy định pháp luật khác như pháp luật về thi hành án

- Điều chỉnh, bổ sung các quy định về Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) để đảm bảo rõ ràng, đồng bộ với mô hình hoạt động hiện nay và theo mô hình quốc tế, tăng cường kết nối, phát triển nội dung trong nước, hỗ trợ các doanh nghiệp mới, nhỏ.

- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam an toàn, bền vững và phát triển thị trường dịch vụ trung tâm dữ liệu, đồng thời thiết lập môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và ngăn chặn các hành vi lợi dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu để thực hiện các hoạt động vi phạm pháp luật.

- Hoàn thiện các quy định liên quan đến ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực thông tin và truyền thông nhằm triển khai thi hành Luật đầu tư 2020.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế được tiến hành trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về yêu cầu ngày càng cao đối với công tác về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, thể hiện đầy đủ và đáp ứng được nội dung chuyển hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Hai là, bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Ba là, căn cứ vào kết quả tổng kết thực hiện Nghị định số 72/2013/NĐ-CP để quy định nhằm kế thừa những kết quả đạt được, hạn chế những bất cập, hạn chế trong thực thi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế triển khai quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Bốn là, đảm bảo đồng bộ với các cam kết quốc tế; tương thích với quy định quốc tế;

Năm là, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia về việc theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, từ đó xây dựng các quy định của Nghị định phù hợp với thực tiễn cuộc sống và hệ thống pháp luật Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Ngày 31/12/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 193/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 06 chính sách sau: (1) Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội; (2) Cấp phép thiết lập mạng xã hội, trò chơi điện tử trên mạng, cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động; (3) Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới; (4) Tăng cường triển khai biện pháp bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet; (5) Quy định về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu; (6) Quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền.

2. Trên cơ sở Nghị quyết số 193/NQ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 349/QĐ-BTTTT ngày 23/3/2021 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (cơ quan soạn thảo đã lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị trong Bộ, các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố lớn, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có liên quan dưới hình thức đăng website, hội thảo, tọa đàm...;

3. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung và ngày 17/11/2021, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có công văn số 4687/BTTTT-PTTH&TTĐT gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định,

Ngày 09/12/2021, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự thảo Nghị định tại Báo cáo thẩm định số 244/BCTĐ-BTP. Trên cơ sở ý kiến thẩm định đối với từng nội dung, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tư pháp để tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định và hoàn thiện Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trước khi trình Chính phủ.

4. Ngày 29/12/2021, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình số 119/TTr-BTTTT trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/2013/NĐ-CP.

5. Ngày 28/3/2022, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1885/VPCPKGVX về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP.

Theo hướng dẫn từ Văn phòng Chính phủ, ngày 27/5/2022 và 02/06/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức họp Ban soạn thảo với các bộ, ngành và tổ chức doanh nghiệp còn có ý kiến khác nhau về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP để trao đổi, làm rõ một số nội dung còn có ý kiến khác nhau về Dự thảo Nghị định sửa đổi.

6. Ngày 27/09/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông có Tờ trình số 103/TTr-BTTTT trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.

7. Ngày 20/10/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7068/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.

Ngày 21/10/2022, Văn phòng Chính phủ đã tổ chức cuộc họp tại trụ sở Văn phòng Chính phủ với sự tham gia của đại diện Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông để trao đổi, hướng dẫn về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của đại diện Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp tại cuộc họp nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn thiện lại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung (sửa 54 điều, bổ sung 28 điều và 01 chương trên tổng số 95 điều, tỷ lệ sửa đổi, bổ sung lên đến 86%), nếu tiếp tục ban hành Nghị định này dưới hình thức Nghị định sửa đổi, bổ sung hai Nghị định nêu trên sẽ rất khó tham chiếu khi áp dụng. Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

8. Ngày 25/11/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 5727/BTTTT-PTTH&TTĐT gửi Bộ Tư pháp đề nghị cho ý kiến về đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP và ngày 20/12/2022, Bộ Tư pháp đã có văn bản số 5117/BTP-PLDSKT gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, theo đó, Bộ Tư pháp nhất trí với đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

9. Ngày 30/12/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình số 129/TTr-BTTTT trình Chính phủ về việc xin ý kiến về xây dựng dự thảo Nghị định thay thế.

10. Ngày 17/2/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 974/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trình Chính phủ trong Quý II năm 2023.

11. Ngày 09/3/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 353/QĐ-BTTTT về việc kiện toàn nhân sự tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập giúp việc Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

12. Ngày 30/6/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản số 2526/BTTTT-PTTH&TTĐT gửi Thủ tướng Chính phủ đề xuất lùi thời hạn trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế do cần có thêm thời gian để lấy ý kiến

góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

13. Ngày 07/7/2023, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 5032/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, yêu cầu Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế bảo đảm chất lượng, theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2023.

14. Thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Ban soạn thảo đã xây dựng Nghị định thay thế trên cơ sở nội dung của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP và cơ quan soạn thảo đã gửi Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP lấy ý kiến của các đơn vị trong Bộ, các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố lớn, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có liên quan dưới hình thức đăng website (Công Thông tin điện tử của Chính phủ, Công Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông), hội thảo, tọa đàm từ ngày ngày 17/7/2023 đến ngày 15/9/2023 .

- Cơ quan soạn thảo đã gửi lấy ý kiến 412 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Cơ quan soạn thảo đã nhận về góp ý của 106 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (bao gồm 98 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước, 08 tổ chức nước ngoài), trong đó có 35 đơn vị (34 trong nước và 01 nước ngoài) có ý kiến đồng thuận, 71 đơn vị trong và ngoài nước có ý kiến góp ý với nội dung dự thảo; tổng số ý kiến nhận được: 653 (trong đó có 541 ý kiến từ tổ chức trong nước, 112 ý kiến từ tổ chức nước ngoài);

- Có 376 ý kiến được cơ quan soạn thảo tiếp thu, 277 ý kiến được cơ quan soạn thảo đề xuất bảo lưu.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị định thay thế gồm 06 Chương với 87 Điều, gồm:

Chương I: Những quy định chung (từ Điều 01 đến Điều 05).

Chương II: Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, tài nguyên Internet (từ Điều 06 đến Điều 22).

Chương III: Quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin trên mạng (từ Điều 23 đến Điều 48).

Chương IV: Trò chơi điện tử trên mạng (từ Điều 49 đến Điều 81).

Chương V: Giám sát thông tin và ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật trên mạng (từ Điều 82 đến Điều 84).

Chương VI: Điều khoản chuyên tiếp và thi hành (từ Điều 85 đến Điều 87).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Nội dung theo Tờ trình số 119/TTr-BTTTT ngày 29/12/2021 (đã được Bộ Tư pháp thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 244/BCTĐ-BTP ngày 09/12/2021), gồm:

2.1.1. Trang thông tin điện tử tổng hợp:

- Bổ sung quy định về việc tổng hợp thông tin chậm hơn 30 phút so với tin gốc; đặt link gốc ngay dưới bài dẫn lại;

- Các trang tin tổng hợp có hoạt động liên kết với báo điện tử chỉ được sản xuất về các lĩnh vực sau: khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa, thể thao, giải trí, quảng cáo, an sinh xã hội và phù hợp với ngành nghề, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, doanh nghiệp; Các báo điện tử chịu trách nhiệm về thông tin liên kết trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

- Quy định về giao diện: Tên dịch vụ (Trang tin tổng hợp) phải ngay sát bên dưới tên trang (nếu có), có cỡ chữ bằng 1/2 cỡ chữ tên trang.

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, dãy ký tự tạo nên tên miền không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí: không sử dụng những từ ngữ (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí như: Báo, Tạp chí, Tin, Tin tức, kênh, Phát thanh, Truyền hình...

- Tách riêng chuyên mục hỏi đáp, thảo luận, trao đổi về các sản phẩm, dịch vụ, hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Không được cho người dùng bình luận về các tin bài trên trang tin tổng hợp.

- Bổ sung quy định trong Thỏa thuận về nguồn tin với các báo: thời hạn, nội dung tổng hợp (theo đúng tôn chỉ mục đích của báo), trách nhiệm các bên (rà soát, thông báo các bài cần gỡ, kết quả gỡ bài).

- Bổ sung quy định về chế tài xử lý: thực hiện các biện pháp ngăn chặn khẩn cấp đối với trường hợp vi phạm không hợp tác cơ quan cơ quan quản lý nhà nước để gỡ bỏ thông tin vi phạm;

- Bổ sung quy định yêu cầu các trang thông tin điện tử tổng hợp phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bản quyền khi sử dụng, đăng tải lại các tác phẩm báo chí ; có cơ chế kiểm tra, rà soát và tự gỡ bỏ thông tin vi phạm bản quyền;

- Kết nối đến hệ thống giám sát của cơ quan quản lý nhà nước để quản lý hoạt động cung cấp thông tin;

2.1.2. Mạng xã hội:

a) Quy định về cấp phép

(1) Đối với các mạng xã hội trong nước mới thành lập, lượng người truy cập chưa đạt mức phải cấp phép thì chỉ cần thông báo theo mẫu (không phải cấp phép), khi được cơ quan quản lý xác nhận đã thông báo thì bắt đầu được hoạt động theo quy định (có quy định trách nhiệm cụ thể với các mạng xã hội). Các mạng xã hội đã thông báo sẽ phải cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội, nếu vi phạm vẫn bị xử lý theo quy định. Sau khi thông báo, Bộ sẽ gắn công cụ đo để theo dõi lượng người truy cập (UV-Unique visitor) thường xuyên của trang;

(2) Khi mạng xã hội trong nước đạt đến mốc sau: 10.000 lượng người truy cập/tháng (căn cứ theo kết quả đo của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố) thì phải thực hiện thủ tục cấp phép, vì với lượng thành viên này, mạng xã hội đã bắt đầu có tác động lớn đối với xã hội;

(3) Bộ TT&TT sẽ thông báo cho các doanh nghiệp có mạng xã hội đạt mốc phải cấp phép;

(4) Gia tăng các điều kiện cấp phép để phương thức quản lý tiên kiểm được chặt chẽ hơn và mang tính thực tế cao hơn;

(5) Mạng xã hội của nước ngoài phải thực hiện thủ tục thông báo/xác nhận thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước khi cung cấp dịch vụ cho người Việt Nam đạt mốc như nêu trên.

b) Quy định để hạn chế tình trạng báo hóa:

(1) Chỉ các tài khoản đã được định danh (định danh thông tin cá nhân của chủ tài khoản bằng chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu hoặc bằng số thuê bao điện thoại đã xác thực) mới được cung cấp thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội;

(2) Quy định về giao diện: Tên dịch vụ Dịch vụ mạng xã hội phải ngay sát bên dưới tên trang (nếu có), có cỡ chữ bằng 1/2 cỡ chữ tên trang.

(3) Không sắp xếp bài viết của thành viên thành các chuyên mục cố định;

(4) Chỉ các mạng xã hội có giấy phép thiết lập mạng xã hội mới được cung cấp dịch vụ phát video trực tuyến (livestream) hoặc cung cấp các hoạt động có phát sinh doanh thu dưới mọi hình thức;

(5) Bổ sung khái niệm và quy định về nền tảng trực tuyến: Nền tảng trực tuyến đa dịch vụ khi cung cấp mạng xã hội và các cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và tuân thủ các quy định pháp luật chuyên ngành;

(6) Nền tảng trực tuyến đa dịch vụ sẽ phải gỡ bỏ các dịch vụ, nội dung vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trường hợp không tuân thủ, cơ quan quản lý có quyền yêu cầu dừng hoạt động/tạm đình chỉ tên miền/địa chỉ IP của toàn bộ nền tảng trực tuyến đa dịch vụ cho đến khi nền tảng trực tuyến thực hiện các yêu cầu gỡ bỏ dịch vụ, nội dung vi phạm pháp luật.

(7) Bổ sung thêm trách nhiệm của Mạng xã hội trong nước:

- Tạm khóa/xóa các nội dung vi phạm pháp luật trong thời gian chậm nhất 03 giờ khi có yêu cầu từ Bộ TT&TT, Sở TT&TT địa phương;

- Tạm khóa/xóa bị khiếu nại ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân/tổ chức chậm nhất 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu từ người sử dụng;

- Phải có bộ lọc tự động để chặn lọc sơ bộ trước những nội dung, hình ảnh vi phạm pháp luật do người dùng đăng tải trên mạng xã hội;

- Không cho phép thành viên lợi dụng mạng xã hội để thực hiện hoạt động báo chí (theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Báo chí).

(8) Bổ sung quy định quản lý đối với chủ kênh/tài khoản/nhóm cộng đồng/trang cộng đồng trên các mạng xã hội:

- Các chủ kênh/tài khoản/nhóm cộng đồng/trang cộng đồng trên các mạng xã hội trong nước có lượng người sử dụng theo dõi/đăng ký từ 10.000 người trở lên hoặc có hoạt động phát sinh doanh thu phải đăng ký với mạng xã hội đó.

- Các chủ kênh/tài khoản/nhóm cộng đồng/trang cộng đồng (fanpage) trên các mạng xã hội tại Việt Nam phải chịu trách nhiệm quản lý nội dung đăng tải

trên kênh, tài khoản của mình (bao gồm cả nội dung bình luận của người sử dụng). Có trách nhiệm tạm khóa, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật, thông tin ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, thông tin ảnh hưởng đến trẻ em đăng tải trên kênh, tài khoản mạng xã hội của mình chậm nhất 48 giờ khi có yêu cầu từ người sử dụng mạng xã hội hoặc chậm nhất không quá 03 giờ khi nhận được yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

2.1.3. Trò chơi điện tử

(1) Bãi bỏ quy trình, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1;

(2) Điều chỉnh quy trình, cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi G1 theo hướng đổi tên thành Giấy phép phát hành trò chơi điện tử G1; bổ sung quy định về việc thu hồi Giấy phép phát hành game G1 trong trường hợp 12 tháng sau khi được cấp phép, doanh nghiệp không triển khai cung cấp dịch vụ;

(3) Bãi bỏ quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4;

(4) Điều chỉnh quy trình, cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp trò chơi G2, G3, G4 theo hướng đổi tên thành Giấy chứng nhận đăng ký phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4; bổ sung quy định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phát hành trò chơi G2, G3, G4 trong trường hợp 12 tháng sau khi được cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp không triển khai cung cấp dịch vụ.

(5) Bổ sung quy định về quản lý thẻ nạp tiền cho trò chơi điện tử trên mạng (thẻ game): Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng chỉ sử dụng thẻ game để nạp tiền vào các trò chơi điện tử trên mạng hợp pháp của chính doanh nghiệp đó hoặc của các doanh nghiệp khác trong Nhóm công ty của doanh nghiệp đó; không sử dụng thẻ game để nạp tiền vào các trò chơi điện tử trên mạng không phép hoặc vào mục đích khác;

2.1.4. Về dịch vụ thông tin xuyên biên giới

Đưa các quy định về quản lý hoạt động cung cấp thông tin xuyên biên giới đã được quy định tại Thông tư 38/2016/TT-BTTTT lên dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 72/2013-CP-NĐ, cụ thể:

(1) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin xuyên biên giới phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam;

(2) Các cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam có quyền thực thi các biện pháp cần thiết trong các trường hợp: Cung cấp thông tin vi phạm pháp luật VN; Không hợp tác để ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm.

(3) Các trang thông tin điện tử/ứng dụng cung cấp dịch vụ nội dung nước ngoài có thuê chỗ lưu trữ thông tin số tại Việt Nam hoặc có từ 100.000 lượng người truy cập hoặc sử dụng thường xuyên/tháng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Thông báo/xác nhận thông báo hoạt động với Bộ TT&TT; Phối hợp với Bộ TT&TT để xử lý thông tin vi phạm theo quy trình;

- Quy trình: Phải ngăn chặn, gỡ bỏ dịch vụ, thông tin vi phạm trong vòng 24h khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

- Phải có bộ phận chuyên trách tiếp nhận/giải quyết khiếu nại từ người sử dụng. Tạm khóa/xóa các nội dung (trong vòng 48h) khiếu nại chính đáng từ cá nhân/tổ chức bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp khi nhận được yêu cầu.

- Tuân thủ quy định về bản quyền với báo chí khi đăng, phát các tác phẩm báo chí của các cơ quan báo chí Việt Nam;

- Các mạng xã hội xuyên biên giới chỉ cho phép các kênh/tài khoản/trang cộng đồng/nhóm cộng đồng đã thông báo thông tin liên hệ với Bộ TT&TT mới được cung cấp các hoạt động có phát sinh doanh thu dưới mọi hình thức.

(4) Các doanh nghiệp viễn thông thực hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn chặn nội dung vi phạm cung cấp tới người sử dụng tại Việt Nam;

(5) Người sử dụng tại Việt Nam có quyền: Thông báo vi phạm yêu cầu DN cung cấp xuyên biên giới xử lý; Thông báo cho Bộ TT&TT về những vi phạm nội dung trên các website cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho người sử dụng tại Việt Nam; Khởi kiện nếu DN cung cấp xuyên biên giới gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

(6) Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xác định nội dung vi phạm thuộc phạm vi, chuyên ngành quản lý và chuyển Bộ TT&TT là đầu mối yêu cầu các doanh nghiệp xuyên biên giới xử lý, gỡ bỏ thông tin vi phạm;

(7) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung xuyên biên giới phải tuân thủ các quy định chuyên ngành khi cung cấp dịch vụ tại Việt Nam như: Mạng xã hội, cung cấp trò chơi điện tử trên mạng, Kho cung cấp ứng dụng, ...

(8) Bổ sung thêm trách nhiệm của Mạng xã hội xuyên biên giới:

(9) Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cho thuê chỗ lưu trữ dữ liệu có trách nhiệm thực hiện biện pháp ngăn chặn các nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam khi tự phát hiện hoặc theo yêu cầu của Bộ TT&TT trong thời gian 3 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

2.1.5. Về cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động

a) Giảm bớt thủ tục hành chính nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý:

Gộp đầu mối tiếp nhận 2 thủ tục hành chính (ở 2 cơ quan quản lý khác nhau) là thủ tục cấp chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động và thủ tục cấp đầu số tin nhắn ngắn để cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động về một đầu mối là Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

b) Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động phải có giải pháp để khách hàng có thể tra cứu lịch sử giao dịch, trừ tiền từ tài khoản viễn thông cho dịch vụ nội dung trong vòng 30 ngày;

c) Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trong việc giám sát, phát hiện các vi phạm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động;

2.1.6. Về quản lý tên miền; Trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX

a) *Quy định đồng bộ, bình đẳng về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền; thúc đẩy phát triển tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phục vụ khởi nghiệp, kinh tế số.*

- Hoàn thiện quy định về dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền (dịch vụ kinh doanh có điều kiện theo quy định Phụ lục 4 Luật Đầu tư) theo hướng quy định đồng bộ, đầy đủ, bình đẳng đối với các loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: Nhà đăng ký tên miền “.vn”; Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam; Các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ vào Việt Nam; Các tổ chức Quản lý đuôi tên miền cấp cao dùng chung mới (New gTLD). Đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”: quy định rõ cấu trúc cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”.

- Bổ sung quy định ưu tiên về lệ phí đăng ký, phí duy trì tên miền cho các đối tượng khởi nghiệp (công dân Việt Nam từ 18 đến 23 tuổi; Các doanh nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập; Hộ kinh doanh) để phát triển hoạt động khởi nghiệp, kinh tế số.

- Điều chỉnh quy định về sở cứ giải quyết tranh chấp tên miền “.vn” cho phù hợp với nguyên tắc giải quyết tranh chấp tên miền quốc tế; đáp ứng cam kết CPTPP và đảm bảo hiệu lực thực thi trong thực tế;

- Quy định đầy đủ các căn cứ áp dụng biện pháp tạm ngừng, thu hồi tên miền trên tinh thần đồng bộ (tên miền “.vn”, tên miền quốc tế).

b) Điều chỉnh quy định về Trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX

- Điều chỉnh các quy định về VNIX để làm rõ về đối tượng kết nối (Các mạng sử dụng số hiệu mạng và địa chỉ IP độc lập hợp lệ tại Việt Nam và quốc tế); phạm vi kết nối của VNIX (khu vực, quốc tế); vai trò (Bảo đảm an toàn và hoạt động liên tục của toàn bộ mạng Internet Việt Nam; Thúc đẩy kết nối Internet trong nước; thúc đẩy phát triển nội dung trong nước; thúc đẩy chuyển đổi IPv6).

- Bổ sung quy định để đảm bảo Internet VN độc lập, an toàn: Bổ sung trong quy định của VNIX việc yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm phối hợp, kết nối, định tuyến qua VNIX để bảo đảm an toàn, hoạt động liên tục của toàn bộ mạng Internet Việt Nam trong trường hợp xảy ra sự cố đối với kết nối mạng quốc tế và cơ chế chuyển đổi thay thế kết nối quốc tế để đảm bảo của VNIX (Trong trường hợp mất kết nối quốc tế, VNIX chuyển tiếp lưu lượng đảm bảo hoạt động mạng Internet Việt Nam).

c) Thủ tục hành chính trong quản lý tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN)

- Các quy định về thủ tục hành chính trong đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN) quy định tại mức Nghị định phù hợp với các quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

2.1.7. Điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu

Dự thảo Nghị định bổ sung Chương VI. Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu nhằm điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu; thiết lập các quy định về các hợp đồng nội dung tối thiểu phải có trong hợp đồng hoặc thỏa thuận cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu nhằm xác định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu. Ngoài ra, chính sách còn là công cụ kết nối giữa cơ quan nhà nước,

doanh nghiệp trong quá trình quản lý, điều tra, xử lý các hoạt động lợi dụng dịch vụ trung tâm dữ liệu thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

2.1.8. Về quản lý dịch vụ internet, an ninh thông tin

- Tăng cường trách nhiệm bảo đảm an ninh thông tin của các doanh nghiệp viễn thông, cung cấp dịch vụ internet tại Điều 44 Nghị định 72/2013/NĐ-CP bằng việc bổ sung trong hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet các cam kết:

+ Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ internet không được thực hiện các hành vi bị cấm, vi phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật An ninh mạng, Điều 5 Nghị định này, vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ;

+ Thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.”

2.1.9. Về an toàn thông tin mạng

- Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp trong bảo đảm an toàn thông tin mạng. Bổ sung quy định về giám sát, xử lý an toàn thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet.

- Bổ sung trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tham gia bảo vệ trẻ em trên mạng viễn thông, internet.

2.2. Nội dung tại Nghị định thay thế đã được điều chỉnh, bổ sung so với Dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung gửi kèm Tờ trình số 119/TTr-BTTTT ngày 29/12/2021, gồm:

A. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

2.2.1. Làm rõ hơn quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương tham gia quản lý không gian mạng

- Nội dung bổ sung:

Làm rõ hơn các quy định để xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý không gian mạng, đảm bảo nguyên tắc bộ, ngành, địa phương quản lý việc gì trong đời thực thì cũng phải quản lý việc đó trên không gian mạng (Điều 25; điểm a, khoản 5, Điều 26; khoản 2, Điều 82; khoản 1, Điều 83)

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Trong những năm gần đây, các dịch vụ nội dung thông tin trên không gian mạng, nhất là mạng xã hội, đã có sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng, giúp cho việc chia sẻ và tiếp cận thông tin ngày càng dễ dàng, thuận tiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Bên cạnh những thông tin tích cực thì không gian mạng còn tồn tại nhiều thông tin tiêu cực, vi phạm pháp luật như: Tin giả, thông tin xấu độc, xuyên tạc, bôi nhọ, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của các tổ chức, cá nhân; quảng cáo sai sự thật; nội dung vi phạm bản quyền...

Với vai trò là cơ quan thay mặt Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, trong những năm vừa qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã liên tục rà quét để xử lý, ngăn chặn, gỡ bỏ hàng trăm nghìn thông tin vi phạm pháp luật, chủ yếu là các vi phạm về tin giả, tin xấu độc tuyên truyền chống phá Đảng và Nhà nước, nói xấu, bôi nhọ uy tín, danh dự, nhân phẩm các tổ chức, cá nhân, quảng cáo vi phạm pháp luật...

Tuy nhiên, qua thực tế quản lý, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy ngoài các thông tin vi phạm pháp luật nói chung dễ nhận biết để xử lý, trên môi trường mạng còn tồn tại nhiều nội dung vi phạm chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành khác, đòi hỏi phải có đánh giá, thẩm định chuyên môn để xác định vi phạm khiến cho quy trình xử lý mất thời gian, chưa hiệu quả. Trong một số vụ việc dư luận quan tâm, do việc phân định quản lý chưa có hướng dẫn rõ ràng, cụ thể khiến cho các cơ quan có trách nhiệm liên quan còn lúng túng, chưa chủ động xử lý kịp thời, gây bức xúc trong dư luận xã hội như quảng cáo về thuốc, thực phẩm chức năng, sản phẩm y tế, hoạt động thương mại điện tử trên mạng xã hội, bảo vệ bản quyền nội dung số, phổ biến phim trên mạng và sản phẩm âm nhạc, tình trạng phát tán tin giả liên quan đến các ngành, lĩnh vực, địa phương...

Nguyên nhân của tình trạng trên chủ yếu do: nhiều bộ, ngành, địa phương chưa tích cực, chủ động quản lý hoạt động chuyên ngành, lĩnh vực của mình trên không gian mạng; chưa chủ động kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí để xác minh, phản bác tin giả, thông tin xấu độc, dập tắt tin đồn vô căn cứ. Đồng thời, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tuyên truyền, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng chưa quyết liệt, đồng bộ.

Do đó, cơ quan soạn thảo đã bổ sung quy định xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong công tác quản lý không gian mạng, đảm bảo nguyên tắc bộ, ngành, địa phương quản lý việc gì trong đời thực thì cũng phải quản lý việc đó trên không gian mạng. Nhiều bộ, ngành, địa phương cùng chung tay rà quét, xử lý thông tin vi phạm sẽ nhanh chóng và hiệu quả hơn nếu chỉ Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tự rà quét, tự xử lý.

2.2.2. Không quy định nội dung liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu trong dự thảo Nghị định thay thế để chuyển sang dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) và Nghị định mới hướng dẫn Luật Viễn thông.

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan soạn thảo dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi), trong đó đã có quy định hướng dẫn về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu. Theo kế hoạch, dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023), xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023).

Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất không quy định nội dung liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu trong dự thảo Nghị định thay thế để chuyển sang dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) và Nghị định mới hướng dẫn Luật Viễn thông để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ.

2.2.3. Điều chỉnh, bổ sung quy định để hạn chế tình trạng “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội trong nước

a) Điều chỉnh các quy định: (1) trang thông tin điện tử tổng hợp phải tổng hợp thông tin chậm hơn 01 giờ so với tin gốc (bản dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung là chậm hơn 30 phút); (2) các cơ quan báo chí điện tử chịu trách nhiệm về thông tin liên kết trên trang thông tin điện tử tổng hợp; tỷ lệ tin bài liên kết không quá 50% tổng số tin bài phát hành của cơ quan báo chí đó trong 01 tháng (bản dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung là không quá 30%);

b) Bổ sung quy định: Dán biểu tượng đã cấp phép vào các trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội đã được cấp phép (khoản 4, Điều 33; điểm b, khoản 1 và khoản 2, điều 34; khoản 3, Điều 57; Khoản 3, Điều 64).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Việc bổ sung các quy định này là để các cơ quan báo chí phát huy được ưu thế thông tin của mình, cũng như để hạn chế tình trạng “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội thông qua hình thức “rửa nguồn”.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ phát sinh chi phí tuân thủ trong việc bổ sung nguồn lực để thực hiện việc dán biểu tượng.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Giúp cơ quan quản lý nhà nước nhanh chóng rà quét được các nội dung vi phạm để yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời, tránh lây lan, ảnh hưởng tới người sử dụng.

+ Tác động về xã hội: Giúp người sử dụng phân biệt được các dịch vụ, ứng dụng được cấp phép, tránh sử dụng các dịch vụ, ứng dụng không phép nhằm hạn chế tình trạng lừa đảo và được quyền lợi bảo vệ khi sử dụng.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này phát sinh thêm thủ tục hành chính cho cơ quan quản lý nhà nước.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để hạn chế các hành vi cung cấp ứng dụng, dịch vụ lừa đảo làm ảnh hưởng đến quyền lợi người sử dụng.

2.2.4. Đơn giản hóa điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng

a) Tiếp tục duy trì 02 loại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, gồm: Giấy phép/Giấy chứng nhận cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng G1/G2,G3, G4 và Quyết định/Giấy xác nhận phát hành cho trò chơi G1/G2,G3,G4 để thẩm định, kiểm tra nội dung, kịch bản của trò chơi trước khi phát hành ra thị trường (từ Điều 51 đến Điều 65)

- Sự cần thiết sửa đổi quy định:

Ngày 26/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1994/QĐ-TTg Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020-2025, trong đó có phương án bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính về cấp phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng và cấp chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.

Vì vậy, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung trình Chính phủ tại Tờ trình số 119/TTr-BTTTT ngày 29/12/2021, cơ quan soạn thảo đã thực hiện việc bỏ các điều kiện về kỹ thuật, thủ tục liên quan đến cấp giấy phép G1, cấp giấy chứng nhận G2, G3, G4 và chỉ giữ lại thủ tục cấp Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 (đối với từng game) nhưng có điều chỉnh tên của thủ tục thành giấy phép phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng đối với từng game; cấp giấy xác nhận thông báo đối với G2, G3, G4 nhưng có điều chỉnh tên của thủ tục thành giấy chứng nhận đăng ký phát hành G2, G3, G4, đồng thời có bổ sung các điều kiện về kỹ thuật trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phát hành game G1 và cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành G2, G3, G4.

Tuy nhiên, qua rà soát thực tế, cơ quan soạn thảo nhận thấy mặc dù dự thảo Nghị định đã cắt bỏ, không quy định các điều kiện, thủ tục liên quan đến cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 và Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng nhưng lại gộp các điều kiện này vào hồ sơ cấp Giấy phép phát hành đối với từng game tại dự thảo Nghị định. Điều này sẽ khiến doanh nghiệp phải kê khai lặp đi lặp lại về các điều kiện về tài chính, nhân sự, kỹ thuật, hệ thống thanh toán phục vụ việc phát hành game, trong khi đó đối với các quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP thì doanh nghiệp chỉ phải khai báo 01 lần. Như vậy, vô hình chung sẽ lại tăng thêm điều kiện, làm phát sinh thêm gánh nặng cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo nhận thấy việc tiếp tục duy trì 02 loại giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, gồm: Giấy phép/Giấy chứng nhận cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng G1/G2, G3, G4 (giúp cơ quan quản lý tiền kiểm điều kiện hạ tầng, kỹ thuật của doanh nghiệp) và Quyết định/Giấy xác nhận phát hành cho trò chơi G1/G2, G3, G4 để thẩm định, kiểm tra nội dung, kịch bản của trò chơi trước khi phát hành ra thị trường (sau khi doanh nghiệp đã có giấy phép/giấy chứng nhận) sẽ phù hợp hơn với thực tế quản lý nhà nước hiện nay.

Do đó, cơ quan soạn thảo đề xuất vẫn giữ nguyên quy định cấp 02 loại Giấy phép như hiện nay, nhưng có chỉnh sửa, loại bỏ một số điều kiện để vẫn đảm bảo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1994/QĐ-TTg.

b) Thực hiện chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh việc phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ,

cơ quan soạn thảo đã triển khai thực hiện việc phân cấp các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử theo đúng phương án đã được phê duyệt tại mục C. Phụ lục XIV.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 72/2013/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy có thể tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp một số các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thông tin điện tử về địa phương để tăng cường và nâng cao vai trò quản lý của địa phương đối với lĩnh vực này. Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất bổ sung quy định về phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố thực hiện các thủ tục hành chính về cấp, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phát hành trò chơi điện tử trên mạng G2, G3, G4 tại các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 60 tại Dự thảo Nghị định thay thế.

- Tác động của việc điều chỉnh phân cấp:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Việc sửa đổi quy định cấp phép không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ do vẫn như nguyên như Nghị định 72/2013/NĐ-CP. Bên cạnh đó, quy định đã giảm bớt các điều kiện về hồ sơ cấp phép nên sẽ rút ngắn thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ xin cấp phép. Ngoài ra, việc phân cấp từ Bộ xuống cho Sở TTTT địa phương cấp Giấy chứng nhận G2, G3, G4 cho các doanh nghiệp có trụ sở hoạt động tại địa phương sẽ tiết kiệm được chi phí và thời gian thẩm định, cấp phép.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Việc giảm bớt các điều kiện về hồ sơ cấp phép giúp cơ quan quản lý nhà nước tiết kiệm được thời gian thẩm định hồ sơ. Bên cạnh đó, việc phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông địa phương thực hiện các thủ tục hành chính về cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng và Giấy xác nhận phát hành cho trò chơi G2, G3, G4 trên mạng sẽ tăng cường và nâng cao vai trò quản lý của địa phương đối với lĩnh vực này.

+ Tác động về xã hội: Không ảnh hưởng do vẫn như nguyên như Nghị định 72/2013/NĐ-CP

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định giảm bớt các điều kiện về hồ sơ cấp phép nên sẽ rút ngắn thời gian và chi phí chuẩn bị hồ sơ xin cấp phép của doanh nghiệp.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không ảnh hưởng do vẫn như nguyên như Nghị định 72/2013/NĐ-CP

B. Nội dung đề xuất mới

2.2.5. Bổ sung quy định không phê duyệt, cấp phép cho dòng game bài giải trí

Đây là nội dung bổ sung thuộc chính sách “Cấp phép thiết lập mạng xã hội, trò chơi điện tử trên mạng, cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông di động” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

Bổ sung thêm loại hình “trò chơi mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài” vào các loại hình trò chơi có nội dung không được phê duyệt thẩm định nội dung, kịch bản (tại điểm b, khoản 1, Điều 55 dự thảo Nghị định thay thế).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Game bài giải trí là trò chơi điện tử trên mạng không đổi thưởng, có nội dung, kịch bản mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài. Qua thực tiễn công tác quản lý thời gian qua, cơ quan soạn thảo nhận thấy dòng game bài giải trí dù cấm đổi thưởng vẫn rất dễ bị lợi dụng, biến tướng thành cờ bạc, đổi thưởng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, có tác động xấu đến thế hệ trẻ, trong khi các giải pháp quản lý hiện tại chưa bảo đảm khả năng giám sát hiệu quả việc biến tướng thành hoạt động cờ bạc bên ngoài game. Vì vậy, từ năm 2010 đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã duy trì chủ trương tạm dừng cấp phép đối với dòng game bài giải trí (không đổi thưởng).

Ngày 09/6/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng ngừa, đấu tranh hoạt động cung cấp trò chơi điện tử cờ bạc trên mạng. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung các quy định về việc dừng hẳn cấp phép dòng game bài giải trí vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP đang được Bộ chủ trì xây dựng, trình Chính phủ.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. Theo đó, Phó Thủ tướng chỉ đạo các Bộ, ngành nghiên cứu thực hiện theo kiến nghị của Bộ

Thông tin và Truyền thông, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, cơ quan soạn thảo đã cụ thể hóa chủ trương nêu trên bằng việc bổ sung quy định: không cấp phép đối với trò chơi điện tử trên mạng có nội dung, kịch bản mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài vào dự thảo Nghị định thay thế.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Việc dừng không cấp phép đối với trò chơi điện tử trên mạng có nội dung, kịch bản mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài không ảnh hưởng nhiều tới doanh nghiệp bởi hiện nay chỉ còn 01 Công ty duy nhất là Công ty Cổ phần VNG đã được cấp phép (từ năm 2008) và phát hành thẻ loại trò chơi lá bài giải trí.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Giảm được gánh nặng về việc quản lý đối với loại hình game nhay cảm này do dòng game này dễ bị lợi dụng, biến tướng thành game cờ bạc, đổi thưởng.

+ Tác động về xã hội: Giải quyết được vấn đề bức xúc trong xã hội, do dòng game này dễ bị lợi dụng, biến tướng thành cờ bạc, đổi thưởng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, có tác động xấu đến thế hệ trẻ. Việc tập luyện chơi các trò chơi này sẽ là một hình thức quảng bá, khuyến khích người chơi đến với trò chơi có thưởng ở các sòng bài.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để doanh nghiệp triển khai cung cấp dịch vụ, đồng thời hạn chế các rủi ro lợi dụng, trục lợi dòng game bài giải trí để vi phạm pháp luật.

2.2.6. Bổ sung quy định xác thực tài khoản người dùng mạng xã hội qua số điện thoại di động tại Việt Nam

Nội dung bổ sung thuộc chính sách “*Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội*” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

Yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải thực hiện việc xác thực tài khoản người dùng dịch vụ với số điện thoại di động Việt Nam khi đăng ký tài khoản tại Việt Nam (Điểm đ, khoản 3, Điều 26 và Điểm b, khoản 2, Điều 30)

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng đã có quy định các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm “*Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số*” và “*cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng*”. Tuy nhiên, do chưa có quy định hướng dẫn Luật An ninh mạng về nội dung này nên các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội trong và ngoài nước chưa thể triển khai quy định này.

Thực tế quản lý cho thấy, tội phạm lừa đảo trên không gian mạng có xu hướng gia tăng nên để đảm bảo hiệu quả quản lý mạng xã hội trong nước và ngoài nước cung cấp xuyên biên giới tại Việt Nam, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm người dùng mạng xã hội khi đăng tải nội dung thông tin lên mạng, cơ quan soạn thảo thấy cần thiết phải bổ sung quy định mạng xã hội trong nước và ngoài nước cung cấp xuyên biên giới tại Việt Nam phải xác thực tài khoản người dùng qua số điện thoại di động tại Việt Nam khi đăng ký thiết lập tài khoản mạng xã hội.

Quy định này có tính khả thi khi hiện nay đa phần các mạng xã hội trong và ngoài nước đều đã yêu cầu xác thực bằng số điện thoại người dùng¹. Việc bổ sung quy định này sẽ cụ thể hóa hình thức này và tạo sự đồng bộ trong việc xác thực người dùng đối với cả mạng xã hội trong và ngoài nước và

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Việc xác thực tài khoản bằng số điện thoại di động không làm phát sinh chi phí tuân thủ vì hiện nay hầu hết các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước và nước ngoài đều triển khai cơ chế yêu cầu người

¹ Các mạng xã hội trong nước lớn như Zalo, Gazo, Otofun, webtretho... và các mạng xã hội nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam như Facebook, Youtube... đều có hình thức xác thực bằng số điện thoại người dùng.

sử dụng dịch vụ xác thực tài khoản bằng số điện thoại di động và email để xác thực người dùng.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Việc xác thực tài khoản bằng số điện thoại di động của người sử dụng mạng xã hội sẽ tạo thuận lợi cho cơ quan chức năng trong việc giám sát, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm trên mạng.

- Tác động về xã hội: Hiện nay người dùng có xu thế chuyển từ máy tính (PC) sang điện thoại di động (mobile) để sử dụng mạng xã hội, vì vậy việc thay đổi phương thức xác thực từ email (trước đây khi dùng PC) sang số điện thoại di động là phù hợp thực tế. Do đó, quy định này không gây xáo trộn trong dư luận xã hội. Ngoài ra, việc đưa ra quy định về xác thực tài khoản người dùng mạng xã hội qua số điện thoại di động tại Việt Nam sẽ hạn chế các tài khoản khuyết danh (tài khoản ảo), tránh việc sử dụng tài khoản khuyết danh này để thực hiện các hành vi lừa đảo. Đồng thời, quy định này cũng sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm của người dùng đối với việc cung cấp nội dung thông tin trên mạng xã hội.

- Tác động về thủ tục hành chính: Quy định không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tạo được hành lang pháp lý phù hợp với quy định hiện hành (Luật An ninh mạng, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân) và hạn chế các hành vi cung cấp thông tin sai sự thật, lừa đảo để vi phạm pháp luật.

2.2.7. Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cung cấp thông tin trên mạng phải thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ ngay các nội dung vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia khi có yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Nội dung bổ sung thuộc chính sách “*Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội*” và “*Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới*” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có trách nhiệm ngăn chặn, gỡ bỏ ngay nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia Việt Nam khi có yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các cơ quan chức năng có thẩm quyền (Điểm b, khoản 5, Điều 26; khoản 4 Điều 27, khoản 4 Điều 37, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 38).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Hiện nay, Luật An ninh mạng (điểm b khoản 2 Điều 26) mới chỉ quy định các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật trong thời gian 24 giờ kể từ khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tuy nhiên với thông tin vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, Ban Chỉ đạo 35 Trung ương và Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo cần bổ sung quy định yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trong và ngoài nước phải ngăn chặn, gỡ bỏ ngay các nội dung vi phạm theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Trường hợp không xử lý theo yêu cầu, Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn nội dung, ứng dụng, dịch vụ vi phạm pháp luật.

Do đó, cơ quan soạn thảo đã bổ sung quy định này để tăng hiệu lực, hiệu quả xử lý đối với nội dung thông tin xấu độc trên mạng, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ phát sinh chi phí tuân thủ trong việc đầu tư nguồn lực, trang thiết bị để rà quét, gỡ bỏ nội dung vi phạm theo quy định.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Quy định này là một trong những công cụ để cơ quan quản lý nhà nước thực thi có hiệu quả việc ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời đối với các nội dung vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, không để cho các nội dung vi phạm này xuất hiện tràn lan trên mạng.

- Tác động về xã hội: Quy định sẽ hạn chế được tình trạng cung cấp, phát tán, lan tràn tin giả, tin sai sự thật, tin vi phạm pháp luật, chống phá Đảng, nhà nước nhằm mục đích gây phương hại đến an ninh quốc gia. Với các biện pháp cứng rắn và khá mạnh tay này, các nền tảng sẽ quản lý chặt các thông tin của người dùng đưa lên hơn và người dùng cũng sẽ có trách nhiệm hơn với các nội dung mà mình tạo ra

- Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để doanh nghiệp triển khai cung cấp dịch vụ, đồng thời hạn chế hành vi phát tán thông tin vi phạm pháp luật, chống phá Đảng và Nhà nước, gây phương hại đến an ninh quốc gia.

2.2.8. *Bổ sung quy định khóa tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung*

Nội dung bổ sung thuộc chính sách “*Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội*” và “*Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới*” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn các tài khoản mạng xã hội, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên vi phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng an ninh quốc gia (điểm h, khoản 3 và điểm b, khoản 5, Điều 26; khoản 6 Điều 38).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Hiện nay, các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới như Facebook, Youtube,... đang kiên quyết từ chối các yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên cung cấp nội dung vi phạm pháp luật, thậm chí là phản động, chống phá Nhà nước với lý do vi phạm tự do ngôn luận, dân chủ, nhân quyền. Tuy nhiên qua thực tế quản lý, cơ quan soạn thảo nhận thấy đa phần thông tin xấu độc chủ yếu xuất phát từ nhóm các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung “cộm cán” có lượng người theo dõi lớn. Trong những năm qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã yêu cầu Facebook, Youtube (Google) ngăn chặn, gỡ bỏ hàng trăm tin, bài, video vi phạm trên các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung này mỗi tuần, tuy nhiên, nhiều bài vừa gỡ xong lại được các thế lực thù địch đưa lên ở chính tài khoản đó hoặc phát tán lại trên các tài khoản vệ tinh (là các tài khoản chỉ chuyên chia sẻ tin bài gốc của các tài khoản “cộm cán”), khiến cho việc xử lý rất mất thời gian và không triệt để.

Vì vậy, bên cạnh việc bổ sung quy định tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cung cấp thông tin trên mạng phải thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật, cơ quan soạn thảo cũng đề xuất bổ sung thêm quy định yêu

cầu các mạng xã hội trong nước và xuyên biên giới tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn các tài khoản mạng xã hội, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên vi phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng an ninh quốc gia để tăng hiệu lực, hiệu quả xử lý.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ không phát sinh chi phí tuân thủ do hiện nay các doanh nghiệp đều có quy định và hệ thống để thực hiện việc tạm khóa và khóa vĩnh viễn tài khoản vi phạm.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Quy định này sẽ giúp giải quyết cơ bản nguồn vi phạm, cũng như giảm thời gian và nguồn lực của các cơ quan chức năng trong việc thực hiện chặn gỡ từng nội dung vi phạm như hiện nay.

+ Tác động về xã hội: Quy định này sẽ góp phần làm trong sạch môi trường mạng; hạn chế tình trạng cung cấp, phát tán các thông tin sai sự thật trên mạng, làm ảnh hưởng tới tâm sinh lý người dùng mạng xã hội, đặc biệt là đối với người sử dụng là trẻ em, người trẻ tuổi..

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để doanh nghiệp triển khai cung cấp dịch vụ, đồng thời bổ sung thêm hình thức xử lý đối với các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhiều lần.

2.2.9. Bổ sung biện pháp ngừng cung cấp dịch vụ Internet đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật

Nội dung bổ sung thuộc chính sách “*Tăng cường triển khai biện pháp bảo vệ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông, mạng Internet*” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

Các doanh nghiệp viễn thông, Internet thực hiện từ chối cung cấp hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ internet, các dịch vụ khác đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ để đăng tải thông tin vi phạm pháp luật trên mạng theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an (Khoản 2, khoản 3, Điều 83)

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Qua thực tế công tác quản lý nhà nước, cơ quan soạn thảo nhận thấy cần phải bổ sung thêm biện pháp *xử lý nhanh* với những cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ internet để cung cấp nội dung chống phá Đảng và Nhà nước, xúc phạm bôi nhọ các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng, nhất là sử dụng dịch vụ livestream trên các mạng xã hội. Biện pháp xử lý này sẽ là một trong những biện pháp xử lý bổ sung cùng các biện pháp xử lý khác như xử phạt vi phạm hành chính, chuyển cơ quan điều tra nếu có dấu hiệu hình sự...nhưng sẽ có tác dụng xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, tránh phát tán, ảnh hưởng lan rộng.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ phát sinh chi phí tuân thủ trong việc đầu tư nguồn lực để thực hiện quy định.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Quy định này là một trong những công cụ để cơ quan quản lý nhà nước thực thi có hiệu quả việc ngăn chặn kịp thời đối với các nội dung vi phạm pháp luật có mức độ phát tán, lan truyền nhanh.

+ Tác động về xã hội: Việc ngừng cung cấp dịch vụ Internet đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật có thể có tác động và gây phản ứng đối với một số bộ phận người sử dụng dịch vụ bị ảnh hưởng (dùng chung thuê bao dịch vụ), tuy nhiên, đây là biện pháp cần thiết để ngăn chặn tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng hoặc tái diễn hành vi vi phạm nhiều lần.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để hạn chế được hành vi phát tán thông tin vi phạm pháp luật có mức độ phát tán, lan truyền nhanh.

2.2.10. *Bổ sung quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người dùng mạng xã hội*

Nội dung bổ sung thuộc chính sách “*Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội*” và “*Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới*” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

+ Mạng xã hội phải công khai mô tả quy trình, phương thức phân phối nội dung trên nền tảng của mình để người dùng được biết và cân nhắc sử dụng (đây là một trong những tính năng của sản phẩm, các mạng xã hội cần phải minh bạch hóa tính năng sản phẩm khi cung cấp đến người dùng) (điểm 1, khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 38).

+ Mạng xã hội phải có bộ phận tiếp nhận, xử lý các khiếu nại của người dùng (điểm g, khoản 3, Điều 26; điểm c, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 31)

+ Bổ sung quy định bảo vệ trẻ em khi sử dụng Mạng xã hội (Điều 26 và Điều 38).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Hiện nay, trên các mạng xã hội nước ngoài như Facebook, Youtube, Tiktok đang tồn tại nhiều tin giả, tin xấu độc, thông tin bôi nhọ, xúc phạm uy tín, danh dự nhân phẩm tổ chức, cá nhân; tuyên truyền mê tín dị đoan; các nội dung vi phạm bản quyền... gây ảnh hưởng tới danh dự, uy tín của tổ chức, doanh nghiệp và quyền lợi của người dùng mạng xã hội.

Do đó, cơ quan soạn thảo đã bổ sung một số quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người dùng và đảm bảo quy định được thực hiện công bằng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Quy định này không phát sinh thêm chi phí tuân thủ bởi hiện nay, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội để cung cấp tốt dịch vụ tới khách hàng đều đã triển khai các giải pháp như có bộ phận tiếp nhận, xử lý khiếu nại của người dùng. Việc cụ thể hóa các quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người dùng là cơ sở để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bắt buộc phải thực hiện

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Việc cụ thể hóa các quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của người dùng là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra việc tuân thủ các quy định của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

+ Tác động về xã hội: Người dùng mạng xã hội được bảo vệ quyền lợi chính đáng khi tham gia dịch vụ mạng xã hội do các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với các quy định hiện hành (Luật trẻ em, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ)

2.2.11. *Bổ sung quy định các mạng xã hội phải cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông*

Nội dung bổ sung thuộc chính sách “*Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội*” và “*Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới*” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP.

- Nội dung đề xuất:

Các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài cung cấp dịch vụ mạng xã hội phải cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Điểm m, khoản 3, Điều 26; khoản 14, Điều 38).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Hiện nay, một trong các chức năng trong công tác quản lý nhà nước trên mạng Internet là giám sát được các nội dung công cộng cung cấp trên mạng Internet để có thể phát hiện, ngăn chặn kịp thời các nội dung vi phạm pháp luật và bảo vệ người dùng khi sử dụng các ứng dụng, dịch vụ. Tuy nhiên trên thực tế, một số nền tảng xuyên biên giới có áp dụng thuật toán để hạn chế việc tìm kiếm nội dung vi phạm từ các công cụ rà quét bên ngoài, khiến cho việc rà quét, phát hiện thông tin xấu độc, nội dung vi phạm pháp luật gặp khó khăn. Do đó, trong một số trường hợp cụ thể, mạng xã hội trong nước và mạng xã hội xuyên biên giới sẽ được Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu cấp quyền để sử dụng công cụ (tool) rà quét, tìm kiếm tất cả nội dung đang đăng tải cho người dùng tại Việt Nam để tăng hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên không gian mạng.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ phát sinh chi phí tuân thủ trong việc đầu tư nguồn lực, trang thiết bị để cung cấp công cụ tìm kiếm theo yêu cầu.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bổ sung thêm công cụ, giúp cơ quan quản lý nhà nước nhanh chóng rà quét được các nội dung vi phạm để yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời, tránh lây lan, ảnh hưởng tới người sử dụng.

+ Tác động về xã hội: Là bộ lọc lọc các nội dung thông tin vi phạm để ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời, hạn chế được những tác động, ảnh hưởng của các thông tin vi phạm tới người sử dụng dịch vụ.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để hạn chế các hành vi cung cấp thông tin sai sự thật, lừa đảo để vi phạm pháp luật.

2.2.12. Bổ sung quy định về quản lý livestream

(Nội dung bổ sung thuộc chính sách “Quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội” và “Quản lý hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới” đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 193/NQ-CP)

- Nội dung đề xuất:

(1) Chỉ các mạng xã hội có giấy phép (trong nước) hoặc có thông báo hoạt động với Bộ TTTT (nước ngoài) mới được cung cấp dịch vụ phát video trực tuyến (livestream) (khoản 32, Điều 3; điểm d, khoản 7, Điều 27; điểm a, khoản 1, Điều 34; khoản 10, Điều 38);

(2) Các hoạt động chuyên ngành cung cấp dưới hình thức livestream phải tuân thủ quy định về pháp luật chuyên ngành (khoản 8, Điều 39).

- Sự cần thiết bổ sung quy định:

Hiện nay, trên các mạng xã hội trong nước và mạng xã hội nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam xuất hiện tính năng “livestream” là tính năng cho phép tài khoản mạng xã hội truyền tải trực tuyến video theo thời gian thực. Người dùng có thể sử dụng tính năng này để cung cấp nhiều nội dung thông tin thuộc nhiều lĩnh vực như: thương mại điện tử, giáo dục, biểu diễn nghệ thuật, trò chơi điện tử...

Thực tế cho thấy, đây là hình thức thông tin tác động, ảnh hưởng nhanh tới xã hội, cơ quan soạn thảo nhận thấy cần phải bổ sung quy định để quản lý tính năng này.

- Tác động của nội dung đề xuất:

+ Tác động về kinh tế đối với doanh nghiệp, đối với cơ quan quản lý nhà nước:

Đối với doanh nghiệp: Quy định này không ảnh hưởng tới doanh nghiệp do khi doanh nghiệp có kế hoạch cung cấp dịch vụ mạng xã hội có tính năng livestream đã phải đầu tư nguồn lực và trang thiết bị để cung cấp dịch vụ.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Quy định này là một trong những công cụ để cơ quan quản lý nhà nước thực thi có hiệu quả việc ngăn chặn kịp thời đối với các nội dung vi phạm pháp luật có mức độ phát tán, lan truyền nhanh.

+ Tác động về xã hội: Quy định này sẽ góp phần làm trong sạch môi trường mạng; hạn chế tình trạng cung cấp, phát tán các thông tin vi phạm pháp luật trên mạng dưới hình thức livestream.

+ Tác động về thủ tục hành chính: Quy định này không phát sinh thêm thủ tục hành chính nào cho đối tượng thực hiện.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật tạo được hành lang pháp lý để hạn chế được hành vi phát tán thông tin vi phạm pháp luật có mức độ phát tán, lan truyền theo thời gian thực.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Sau khi Nghị định được ban hành, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến nguồn lực đảm bảo cho việc thi hành như sau:

- Phổ biến các nội dung nghị định sau khi được thông qua tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định;

- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định;

- Bám sát việc triển khai thực tế của các quy định, giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định;

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

2. Về kinh phí:

Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ sắp xếp nguồn kinh phí để đảm bảo cho việc thi hành như sau:

- Kinh phí để tổ chức các Hội thảo phổ biến, hướng dẫn các quy định mới của Nghị định.

- Kinh phí đầu tư, nâng cấp hệ thống đo lường lượng người truy cập vào dịch vụ.

- Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thi hành Nghị định.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định và xin ý kiến các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan, đa số các ý kiến đều thống nhất về sự cần thiết ban hành cũng như những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định. Về cơ bản, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp thu các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân liên quan đối với Dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, trong quá trình tổng hợp các ý kiến đóng góp, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy còn có một số nội dung có ý kiến khác nhau, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo cụ thể như sau:

1. Quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương tham gia quản lý không gian mạng:

Trên mạng Internet hiện nay tồn tại nhiều thông tin tiêu cực, vi phạm pháp luật như: Tin giả, thông tin xấu độc, xuyên tạc, bôi nhọ, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của các tổ chức, cá nhân; quảng cáo sai sự thật; nội dung vi phạm bản quyền...

Nguyên nhân của tình trạng trên do nhiều bộ, ngành, địa phương chưa tích cực, chủ động quản lý hoạt động chuyên ngành, lĩnh vực của mình trên không gian mạng; chưa chủ động kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí để xác minh, phản bác tin giả, thông tin xấu độc, dập tắt tin đồn vô căn cứ. Đồng thời, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tuyên truyền, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng chưa quyết liệt, đồng bộ.

Để giải quyết vướng mắc trong thực tiễn liên quan đến nội dung này, Dự thảo Nghị định thay thế đề xuất 02 phương án quy định như sau:

a) Phương án 1: Bổ sung thêm quy định nhằm phân định rõ trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương trong việc kiểm tra, phát hiện và đề xuất ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

- Ưu điểm: Tăng cường trách nhiệm quản lý của bộ, ngành trên không gian mạng. Bộ, ngành, địa phương quản lý cái gì trên đời thực thì cũng phải quản lý cái đó trên không gian mạng. Nhiều bộ, ngành, địa phương cùng chung tay rà quét, xử lý thông tin vi phạm sẽ nhanh chóng và hiệu quả.

Thực tế, hiện nay, một số bộ ngành như Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai rà quét và phát hiện các nội dung vi phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý và chủ động yêu cầu các trang thông tin điện tử và mạng xã hội trong nước và xuyên biên giới tại Việt Nam xử lý, ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm.

- Hạn chế: Một số Bộ, ngành, địa phương chưa có sự đầu tư và quan tâm đầy đủ đến hoạt động quản lý chuyên ngành trên không gian mạng sẽ phải bổ sung bố trí nguồn lực, phương tiện để tham gia quản lý.

b) Phương án 2: Không phân định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành và giữ nguyên như hiện nay

- Ưu điểm: Các bộ, ngành không phải bố trí nguồn lực, trang thiết bị để thực hiện quản lý ngành, lĩnh vực trên không gian mạng.

- Nhược điểm: Nhiều Bộ, ngành, địa phương sẽ không ý thức đầy đủ và phát huy được vai trò chủ động quản lý nhà nước trên không gian mạng và việc tăng cường phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị để quản lý không gian mạng sẽ gặp khó khăn, không hiệu quả.

Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn **phương án 1**.

2. Bổ sung quy định xác thực tài khoản người dùng mạng xã hội qua số điện thoại di động tại Việt Nam

Tại điểm a khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng đã có quy định các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm “*Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số*” và “*cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng*”. Tuy nhiên, do chưa có quy định hướng dẫn Luật An ninh mạng về nội dung này nên các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội trong và ngoài nước chưa thể triển khai quy định này.

Để giải quyết vướng mắc trong thực tiễn liên quan đến nội dung này, Dự thảo Nghị định thay thế đề xuất 02 phương án quy định như sau:

a) Phương án 1: Bổ sung quy định yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải thực hiện xác thực tài khoản người dùng mạng xã hội qua số điện thoại di động tại Việt Nam.

- Ưu điểm:

+ Phù hợp với quy định tại một số quốc gia trên thế giới².

+ Việc yêu cầu xác thực người dùng là có tính khả thi khi hiện nay đa phần các mạng xã hội trong và ngoài nước đều đã yêu cầu xác thực bằng số điện thoại người dùng. Việc bổ sung quy định sẽ cụ thể hóa hình thức này và tạo sự đồng bộ trong việc xác thực người dùng đối với cả mạng xã hội trong và ngoài nước.

+ Nâng cao ý thức, trách nhiệm người dùng mạng xã hội khi đăng tải nội dung thông tin lên mạng và tìm được người chịu trách nhiệm khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

+ Hạn chế được tội phạm lừa đảo trên không gian mạng

- Nhược điểm: Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội sẽ phải tốn thêm chi phí bổ sung nguồn lực và trang thiết bị để thực hiện theo quy định. Người dùng mạng xã hội sẽ có nhiều phản ứng trái chiều do đã quen với việc “vô danh” trên không gian mạng.

b) Phương án 2: Không yêu cầu xác thực tài khoản người dùng mạng xã hội qua số điện thoại di động tại Việt Nam

- Ưu điểm: Phương án này không gây xáo trộn nhiều đến hoạt động kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội khi không phải đầu tư thêm trang thiết bị để thực hiện quy định.

- Nhược điểm: Tội phạm lừa đảo trên không gian mạng có xu hướng gia tăng, các đối tượng chống phá thường xuyên sử dụng mạng xã hội để lan truyền, phát tán tin giả, tin sai sự thật gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ khó xác định và giải quyết các hành vi vi phạm trên mạng.

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 1

3. Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cung cấp thông tin trên mạng phải thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ ngay các nội dung vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia khi có yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

² Trung Quốc yêu cầu các mạng xã hội phải xác thực bằng ID người dùng, Nga yêu cầu xác thực qua số điện thoại người dùng, Ấn độ quy định các mạng xã hội phải thiết lập cơ chế để xác thực danh tính tài khoản người dùng

Để thực hiện theo đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 26 Luật An ninh mạng và cụ thể hóa chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 35 Trung ương và Ban Tuyên giáo Trung ương đối với thông tin vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất 02 phương án bổ sung quy định như sau:

a) Phương án 1: Yêu cầu tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cung cấp thông tin trên mạng phải thực hiện **ngăn chặn, gỡ bỏ ngay** các nội dung vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

- Ưu điểm: Mạng xã hội có ưu điểm là tốc độ lan truyền thông tin nhanh, do đó, việc thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ ngay các nội dung vi phạm pháp luật sẽ giúp hạn chế tối đa mức độ phát tán, ảnh hưởng tiêu cực của thông tin vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, góp phần tăng hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thông tin trên mạng.

- Nhược điểm: Qua tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế, hiện chưa có quốc gia nào trên thế giới có yêu cầu các tổ chức, cá nhân xuyên biên giới ngăn chặn, gỡ bỏ ngay lập tức thông tin vi phạm do đặc thù của mạng xã hội là có độ trễ về thời gian và do sự chênh lệch về múi giờ giữa các quốc gia. Tuy nhiên, nếu chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện việc nghĩa vụ này sẽ gây sự bất bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin trên mạng trong và ngoài nước, đi ngược lại với một trong những mục tiêu quan trọng của dự thảo Nghị định, đó là tạo mặt bằng pháp lý giữa doanh nghiệp Việt Nam cung cấp các dịch vụ trong nước và doanh nghiệp nước ngoài cung cấp các dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam.

b) Phương án 2: Giữ nguyên thời gian ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ, kể cả với nội dung vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

- Ưu điểm: Thống nhất, đồng bộ với quy định về thời gian ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, hiện nay nhiều quốc gia trên thế giới như Đức, Ấn, EU đều đã có quy định yêu cầu các nền tảng công nghệ lớn Facebook, Microsoft, Twitter, Youtube cam kết gỡ bỏ nội dung gây thù hận, nói xấu, bôi nhọ trên mạng xã hội trong thời gian 24 giờ.

- Nhược điểm: Độ trễ về thời gian xử lý có thể ảnh hưởng đến hiệu quả việc ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm pháp luật, đặc biệt là vấn đề liên quan

đến an ninh quốc gia, có tính khẩn cấp do khả năng lan tỏa nhanh chóng của mạng Internet, mạng xã hội.

Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn **Phương án 01**.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; (2) Bảng tổng hợp và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (3) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định thay thế; (5) Nghị quyết số 193/NQ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PTT&TTĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Lâm